TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2026/DS-ST
Ngày 26-3-2026
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Mai Trung X, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà N trình bày:*

Bà có tham gia hụi do bà H và ông X làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2022, gồm 51 phần, bà N tham gia 1 phần, mỗi tháng khui 01lần, bà đã góp được 20 kì, số tiền thực góp là 20.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 500.000 đồng, mở ngày 29/02/2023, gồm 73 phần, bà N tham gia 1 phần, mỗi tháng khui 2 lần, bà đã góp 29 kì, số tiền thực góp

là 14.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2022, gồm 58 phần, bà N tham gia 1 phần, mỗi tháng khui 2 lần, bà đã góp được 54 kỳ, số tiền thực góp là 54.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2022, gồm 69 phần, bà N tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 2 lần, bà đã góp được 38 kì, số tiền thực góp là 38.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông X và bà H còn nợ là 126.500.000 đồng. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X và bà H trả lại số tiền hụi còn nợ là 126.500.000 đồng.

** Bị đơn ông Mai Trung X và bà Trần Thị H:* Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N có đơn xin xét xét xử vắng mặt; ông Mai Trung X và bà Trần Thị H đã được toà án triệu tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà N khởi kiện yêu cầu ông X và bà H trả số tiền 126.500.000 đồng. Xét thấy, theo danh sách hụi bà N cung cấp đối với các dây hụi trên đều thể hiện có tên bà N là hụi viên nên có cơ sở xác định giao dịch hụi giữa bà N với ông X và bà N là thực tế có diễn ra đúng như bà N trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, ông X và bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của bà N, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông X và bà H trả cho bà N số tiền hụi 126.500.000 đồng là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông X và bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc ông Mai Trung X và bà Trần Thị H trả số tiền hụi 126.500.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X và bà H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông X và bà H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Bà N không phải chịu (thuộc trường hợp được miễn là người cao tuổi). Ông Mai Trung X và bà Trần Thị H phải chịu 6.325.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến